



tesa® 62510

Thông tin Sản phẩm



Băng keo xốp PE hai mặt gắn kết linh kiện

Product Description

tesa® 62510 là băng keo xốp PE hai mặt cho các ứng dụng lắp ráp. Nó bao gồm lớp nền xốp PE có độ linh hoạt cao và keo acrylic cải tiến

Lợi ích sản phẩm:

- Mức độ bám dính tối ưu cho tính năng kết dính đáng tin cậy
- Hoàn toàn phù hợp ứng dụng ngoài trời : chống UV, nước và chống lão hóa
- Lõi xốp PE linh hoạt với lực liên kết bên trong cao
- Thích hợp để lắp ráp mô-đun tự động và bằng tay
- Lắp ráp mô-đun năng lượng mặt trời dễ dàng do một tỷ lệ xốp nén cao

Đặc trưng

- High ultimate adhesion level for a reliable bonding performance
- Fully outdoor suitable: UV, water and ageing resistant
- Conformable PE foam core with high inner strength
- Suitable for automatic and manual module assembly
- Easy solar module assembly due to a high foam compression rate

Ứng dụng

- Mô đun khung năng lượng mặt trời
- Dán các thanh, song và khung định hình
- Ứng dụng gắn kết chung

Technical Information (average values)

The values in this section should be considered representative or typical only and should not be used for specification purposes.

Cấu tạo sản phẩm

- | | | | |
|------------|------------------|-----------|------------|
| • Backing | foam PE | • Độ dày | 1000 µm |
| • Loại keo | acrylic cải tiến | • Màu sắc | đen/ trắng |

Thuộc tính / Giá trị hiệu suất

- | | | | |
|---------------------------------|------------|---------------------------------|---------|
| • Độ giãn dài tối đứt | 180 % | • Kháng lực kéo trượt tĩnh 40°C | tốt |
| • Lực kéo căng | 10 N/cm | • Kháng lực kéo trượt tĩnh 70°C | rất tốt |
| • Chịu nhiệt trong dài hạn | 80 °C | • Khả năng chống lão hóa (UV) | rất tốt |
| • Chịu nhiệt trong ngắn hạn | 80 °C | • Khả năng chống ẩm | rất tốt |
| • Kháng chất làm mềm | trung bình | • Độ dính ban đầu | tốt |
| • Kháng lực kéo trượt tĩnh 23°C | tốt | | |

để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=62510>



tesa® 62510

Thông tin Sản phẩm

Độ bám dính

• ABS (ban đầu)	8 N/cm	• PET (sau 14 ngày)	13.5 N/cm
• ABS (sau 14 ngày)	13.5 N/cm	• PP (ban đầu)	1.2 N/cm
• nhôm (ban đầu)	8 N/cm	• PP (sau 14 ngày)	1.2 N/cm
• nhôm (sau 14 ngày)	13.5 N/cm	• PS (ban đầu)	8 N/cm
• PC (ban đầu)	8 N/cm	• PS (sau 14 ngày)	8 N/cm
• PC (sau 14 ngày)	13.5 N/cm	• PVC (ban đầu)	13.5 N/cm
• PE (ban đầu)	0.9 N/cm	• PVC (sau 14 ngày)	13.5 N/cm
• PE (sau 14 ngày)	0.9 N/cm	• thép (ban đầu)	13.5 N/cm
• PET (ban đầu)	6 N/cm	• thép (sau 14 ngày)	13.5 N/cm

Thông tin thêm

Các loại lớp lót:

PV0 giấy glassine nâu (70µm)

PV13 PET trong suốt (50µm)

PE xanh PV15 (100µm)

Độ bám dính :

-ngay lập tức: tách xốp trên thép

-Sau 14 ngày: tách xốp trên thép, ABS, nhôm, PC, PET, PS, PVC

tesa® 62510 được công nhận bởi UL như vật liệu polymer quang điện (QIHE2).

tesa® 62510 đã được thử nghiệm bởi TÜV Rheinland, Đức. Thử nghiệm này xác nhận việc thực hiện bám dính lâu dài sau khi thí nghiệm khí hậu IEC 61215 và chịu nhiệt độ 85 °.

chịu nhiệt độ (ngắn/dài) của tesa® 62510 đã được phê duyệt theo phương pháp thử nghiệm tesa dưới tải trọng tĩnh.

Disclaimer

sản phẩm của tesa@ được cải tiến chất lượng theo yêu cầu và được quản lý chặt chẽ từ giai đoạn sản xuất. Tất cả các thông tin và tư vấn sản phẩm được cung cấp dựa trên kinh nghiệm thực tiễn và kiến thức của chúng tôi. Tuy nhiên, tesa SE không thể đảm bảo hay quy định một cách rõ ràng hoặc ngụ ý, có bao gồm nhưng không giới hạn cho mục đích sử dụng cụ thể. Do đó, người tiêu dùng nên nhận định sản phẩm tesa đang sử dụng có phù hợp cho mục đích sử dụng mà khách hàng đang nhắm tới hay không, có phù hợp với phương pháp mà khách hàng sử dụng hay không. Nếu có bất kỳ sự nghi ngờ nào, đội ngũ kỹ thuật của chúng tôi rất vui lòng để tư vấn cho quý khách



để biết thêm thông tin mới nhất của sản phẩm xin vui lòng cập nhật vào <http://l.tesa.com/?ip=62510>